

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-4-2021.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình về ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trịnh Hữu Chinh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Hồ Thị Mai Hương**  
2. Ông **Phạm Phước Tâm**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 05/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 558/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trần Đặng Như N**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Nguyễn Ngân G**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị N có mặt; anh G vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Nguyên đơn chị Trần Đặng Như N trình bày:* Chị N và anh Nguyễn Ngân G kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp vào ngày 14/7/2016. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất

đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng vợ chồng vẫn cố gắng khuyên nhủ để cùng nhau chung sống. Thời gian sau, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng nhiều không thể hàn gắn lại được nên vào tháng 10/2019 chị N về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh G vẫn đến thăm vợ con nhưng chị N nhận thấy anh G vẫn không sửa đổi, không chú tâm làm ăn và thường nhậu nhẹt. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn như trước, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngân G.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Trung K, sinh ngày 26/6/2020, hiện đang sống cùng với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Trần Trung K, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Ngân G đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

\* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Trích lục kết hôn (bản sao);
- Trích lục khai sinh Nguyễn Trần Trung K (bản sao);

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Trần Đặng Như N về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngân G, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã P, huyện Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh Nguyễn Ngân G mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Ngân G.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo lời trình bày của chị N thì chị và anh G chung sống với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Cao Lãnh vào ngày 14/7/2016. Như vậy có căn cứ xác định hôn nhân của chị N và anh G là hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị N yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không thể tiếp tục, sống chung không còn hạnh phúc, hiện nay vợ chồng không còn sống chung. Về phía anh G là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo của tòa án nhưng không có ý kiến, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Như vậy, có căn cứ nhận định anh G không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị N trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Trung K, sinh ngày 26/6/2020, hiện đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay con chung đang sống với chị N phát triển và được chăm sóc tốt. Thu nhập của chị N đủ điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu Kiên. Do đó, cần để cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N.

Anh Nguyễn Ngân G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai số 0004429 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Đặng Như N.

- Về hôn nhân: Chị Trần Đặng Như N được ly hôn với anh Nguyễn Ngân G.

- Về con chung: Chị Trần Đặng Như N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Trung K, sinh ngày 26/6/2020. Anh Nguyễn Ngân G không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị N không có yêu cầu. Anh Nguyễn Ngân G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Đặng Như N phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai số 0004429 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Mai Hương – Phạm Phước Tâm**

**Trịnh Hữu Chính**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Trịnh Hữu Chính**